

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-11-2018

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Trường

2. Ông Lữ Minh Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Đ - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp 6, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P (T) - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: ấp 6, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2018, các văn bản tiếp theo, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn P cưới nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn ngày 23-7-2007, tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện DH, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do ông P chơi bời, cờ bạc gây nợ, bà phải trả nợ nhiều lần, ông P còn bạo hành với bà. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn P;

Về nuôi con chung: Bà và ông P có 02 con chung là Nguyễn KT, sinh ngày 18-4-2007 và Nguyễn AT, sinh ngày 24-7-2010, hiện đang sống chung với ông P. Tại phiên hòa giải, bà và ông P đã thỏa thuận, khi ly hôn ông P trực tiếp nuôi 02 con chung, theo nguyện vọng của con chung. Ngoài ra, bà với ông P còn thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nay bà tự nguyện yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng/01 con chung, trong thời gian tròn 05 năm kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Về chia tài sản chung: Bà và ông P có tài sản chung là căn nhà và 04 chỉ vàng, nhưng thỏa thuận không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về chia nợ chung: Nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H 12.000.000 đồng, nợ mẹ ruột của bà 30.000.000 đồng và nợ công đoàn công ty bà đang làm 30.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà yêu cầu chia đôi số nợ.

- Tại Bản tự khai ngày 07 tháng 10 năm 2018, các văn bản tiếp theo, và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Tấn P bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Hồng Đ về ngày tháng và điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, con chung và việc không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết tài sản chung, để tự thỏa thuận. Về mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà Đ kêu ông giặt đồ, ông chưa giặt nên cự cãi nhau, bà Đ bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Về hôn nhân: Trước đây ông không đồng ý ly hôn, nay bà Đ cương quyết ly hôn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ;

Về nuôi con chung: Ông với bà Đ đã thỏa thuận ông được trực tiếp nuôi 02 con chung theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, trước đây ông với bà Đ thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nay bà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trong thời hạn 05 năm, ông thống nhất.

Về nợ chung: Ông và bà Đ nợ Ngân hàng chính sách xã hội 12.000.000 đồng; Các khoản nợ khác bà Đ trình bày ông không biết.

Vụ việc được hòa giải Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Hồng Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Tấn P, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án;

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Bà Đ và ông P chung sống có đăng ký kết hôn ngày 23-7-2007 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện DH, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông P là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét việc thuận tình ly hôn của bà Đ và ông P tại phiên tòa:

Bà Đ và ông P xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8 năm 2018, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau, ông P không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa bà Đ và ông P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Đ và ông P thuận tình ly hôn tại phiên tòa là tự nguyện, là phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Xét về người trực tiếp nuôi con chung: Trước khi mở phiên tòa, bà Đ và ông P thỏa thuận ông P được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn KT, sinh ngày 18-4-2007 và Nguyễn AT, sinh ngày 24-7-2010 (đang sống chung với ông P), theo nguyện vọng của con chung. Thỏa thuận trước khi mở phiên tòa về người trực tiếp nuôi con chung của đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên công nhận.

[4.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Trước khi mở phiên tòa, bà Đ và ông P thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà Đ tự nguyện yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 500.000 đồng/01 con chung, trong thời gian tròn 05 năm, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật; Ông P đồng ý theo tự nguyện của bà Đ. Việc bà Đ yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4.3] Bà Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà Đ và ông P được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về chia tài sản chung: Bà Đ và ông P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung là căn nhà và 04 chỉ vàng, để vợ chồng tự thỏa thuận, do đó Tòa án không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[6] Xét về chia nợ chung:

Bà Đ xác định và yêu cầu chia đôi nợ chung gồm: Nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H 12.000.000 đồng, nợ mẹ ruột của bà 30.000.000 đồng và nợ công đoàn công ty bà đang làm 30.000.000 đồng; Ông P xác định nợ

Ngân hàng chính sách xã hội 12.000.000 đồng là nợ chung, các khoản nợ khác bà Đ trình bày ông không biết.

Xét đã hết thời hạn Tòa án thông báo, nhưng bà Đ và ông P không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về các khoản nợ và thông tin về tên, địa chỉ của đương sự là chủ các sổ nợ; do đó, không có căn cứ xem xét giải quyết chia nợ chung trong cùng vụ án, chỉ ghi nhận nội dung bà Đ và ông P trình bày. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, bà Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng, tổng cộng bà Đ phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà Đ còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Hồng Đ và ông Nguyễn Tấn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự: Ông Nguyễn Tấn P được trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn KT, sinh ngày 18-4-2007 và Nguyễn AT, sinh ngày 24-7-2010 (02 con chung hiện đang sống chung với ông P), theo nguyện vọng của 02 con chung.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Bà Nguyễn Hồng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đối với 01 con chung, trong thời hạn tròn 05 (năm) năm, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Bà Đ được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà Đ và ông P được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con

chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng Đ phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (300.000 đồng án phí về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008483 ngày 13-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà Đ còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 06-11-2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã HT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương